

Thứ ba, ngày 17 tháng 1 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tăng mạnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/1/2023		•	
Tuần 16/1-20/1/2023		•	
Tháng 01/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index bất ngờ tăng điểm mạnh mẽ trong phiên giao dịch cận Tết. Sau khi giằng co trong vùng 1,070-1,080 cả ngày, chỉ số bất ngờ bật lên vào cuối phiên và đóng cửa tại mốc 1,088.29 tăng gần 22 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 17/19 ngành tăng điểm, trong đó mức tăng lớn nhất thuộc về ngành Tài nguyên cơ bản. 29/30 mã thuộc nhóm VN30 tăng điểm, là trụ cột tăng điểm cho thị trường ngày hôm nay. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên tiếp theo, có khả năng thị trường sẽ tiếp tục quán tính tăng lên ngưỡng kháng cự 1,100 điểm nhưng có thể sẽ gặp phải áp lực chốt lời tại vùng này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/1/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+21.61** điểm, đóng cửa **1088.29** điểm. HNX-Index **+4.27** điểm, đóng cửa **215.15** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.5)**, **HPG (+2.04)**, **MBB (+1.02)**, **MSN (+0.93)**, **TCB (+0.8)**.
- Kéo chỉ số giảm: **SAB (-0.24)**, **REE (-0.17)**, **PDN (-0.05)**, **PGV (-0.03)**, **CVT (-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **10,169** tỷ đồng, tăng **51.12%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 11,753 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 21.61 điểm. Thị trường có **352** mã tăng, 42 mã tham chiếu, **69** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **795.93** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (165.57 tỷ)**, **STB (62.12 tỷ)**, **SSI (53.22 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **22.19** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1088.29**
Giá trị: 10169 tỷ **21.61 (2.02%)**
Khối ngoại (ròng): 795.93 tỷ

HNX-INDEX **215.15**
Giá trị: 934.71 tỷ **4.27 (2.02%)**
Khối ngoại (ròng): 22.19 tỷ

UPCOM-INDEX **72.97**
Giá trị: 299.73 tỷ **0.75 (1.04%)**
Khối ngoại (ròng): -0.5 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	79.8	-0.09%
Giá vàng	1,909	-0.37%
Tỷ giá USD/VND	23,445	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,943	0.14%
Tỷ giá JPY/VND	18,239	0.00%
LS liên NH 1 tháng	7.9%	0.52%
LS TPCP 5 năm	4.7%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	165.57	VHM	-12.85
STB	62.12	BMP	-10.61
SSI	53.22	EIB	-5.75
VND	52.84	HDB	-5.12
VNM	50.77	KDC	-4.89

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Danh mục đầu tư cơ bản	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 17/1

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	78.81	-1.31%	5.60%	4.55%	-6.48%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	84.21	-1.25%	5.73%	5.08%	-1.82%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.49	-1.65%	8.64%	13.71%	2.45%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1914.32	-0.31%	2.28%	7.10%	5.24%		PNJ
Bạc	Ounce	24.25	0.00%	2.63%	5.68%	5.43%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1526.25	-0.10%	2.54%	4.29%	11.53%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	743.15	-0.08%	0.22%	-0.71%	-0.11%	AFX	
Sữa	Cwt	19.46	-0.31%	0.78%	-5.21%	-4.04%	KDC	VNM, GTN
Cao su	JPY/kg	136.80	0.00%	2.01%	1.26%	-23.66%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR
Đường	LB	18.10	-0.28%	0.86%	3.64%	24.66%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS
Chè	Kg	82.60	0.40%	-3.56%	1.44%	-30.99%		
Cà phê	LB	151.70	1.54%	-4.17%	-9.86%	-36.70%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.95	-6.25%	-1.67%	4.46%	-10.86%	CAV, SAM	MSN, ACM
Thép	CNY/ton	4045.00	-1.00%	0.15%	3.45%	-11.29%		HPG
Nhôm	Ton	2595.00	1.82%	13.05%	6.18%	-12.82%	CAV, SAM, TGP	
Quặng sắt	Ton	127.00	2.42%	7.17%	15.45%	0.00%	HPG	
Than đá	Ton	370.00	-0.07%	-6.33%	-7.81%	67.80%	HT1,HPG	HLC, NBC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Kết thúc phiên, dầu thô Brent giảm 1.08 USD, tương đương 1.3%, xuống 84.20 USD/thùng.
- Giá dầu giảm vào thứ Hai (16/1) nhưng vẫn gần mức cao nhất trong tháng này trong bối cảnh việc nới lỏng các hạn chế chống COVID ở Trung Quốc làm dấy lên hy vọng phục hồi nhu cầu tại quốc gia nhập khẩu dầu thô hàng đầu thế giới.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên giảm 0.3% xuống 1,914.16 USD/ounce, sau khi đạt mức cao nhất kể từ cuối tháng 4, 1,929 USD. Giá vàng kỳ hạn tháng 2 giảm 0.3% xuống còn 1,917.30 USD.
- Giá vàng giảm nhẹ khỏi mức cao nhất trong hơn 8 tháng, nhưng vẫn giữ trên mức quan trọng 1,900 USD/ounce do kỳ vọng Fed sẽ bớt quyết liệt hơn trong việc tăng lãi suất.

Giá quặng sắt

- Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất (kỳ hạn giao tháng 5) trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc đã kết thúc phiên ở mức giảm 4.3% xuống 832.5 nhân dân tệ/tấn. Trên Sàn giao dịch Singapore, quặng kỳ hạn tháng 2 giảm 4.4% xuống 120.00 USD/tấn.
- Giá quặng sắt kỳ hạn giảm vào thứ Hai do các báo cáo về tình trạng gia tăng số ca tử vong do COVID-19 tại nhà sản xuất thép hàng đầu thế giới - Trung Quốc - làm dấy lên lo ngại về nhu cầu.

Giá nông sản

- Giá cà phê Robusta kỳ hạn trên sàn ICE quay đầu giảm vào thứ Hai sau khi không vượt qua ngưỡng kháng cự quanh mức cao nhất trong 2 tháng rưỡi của phiên trước đó. Không có giao dịch nào đối với các hợp đồng cà phê arabica tại New York vào thứ Hai do Mỹ nghỉ lễ. Hợp đồng cà phê robusta kỳ hạn tháng 3 giảm 0.3% xuống 1,911 USD/tấn vào cuối phiên, sau khi đạt đỉnh 1,919 USD, chỉ kém mức cao nhất 2.5 tháng của phiên trước đó là 1,920 USD.

Thị trường chứng khoán thế giới

	17/1	% 17/1	16/1	% 16/1	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1088.29	2.03%	1066.68	-16.29%	3.32%	3.12%
S&P 500			3999.09	0.40%	2.67%	0.21%
HDTL S&P500	4009.25	-0.22%	4018.25	-5.57%	2.44%	-1.13%
Shang-hai	3224.25	-0.10%	3227.59	-0.61%	1.73%	1.75%
Euro Stoxx	4148.46	-0.21%	4157.00	10.67%	2.24%	8.15%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
12/19/2022	VCS	57.7	70.5	53.3	56.2	29	-2.60%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/15/2022	TLG	51.1	60	45.5	57.8	33	13.11%	Cần nhắc không mua thêm (**)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

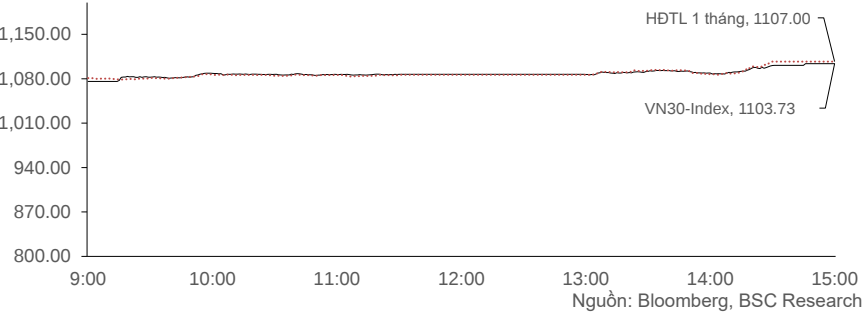
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/16/2022	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
8/5/2022	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
8/4/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
8/3/22	REE	81.2	93	78.5	SL	54	-3.33%
8/2/22	POW	13.75	16	13	SL	55	-5.45%
8/1/22	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
7/18/2022	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	1	13.11%	-2.60%	5.26%	31
Cổ phiếu đã chốt	250	229	7.06%	-7.48%	4.04%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2301	1107.00	2.96%	3.27	30.4%	270,101	1/19/2023	11
VN30F2302	1115.00	4.04%	11.27	55.3%	10,734	2/16/2023	32
VN30F2303	1099.00	3.43%	-4.73	293.2%	291	3/16/2023	60
VN30F2306	1084.40	2.99%	-19.33	196.0%	148	6/15/2023	151

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 28.02 điểm lên 1103.73 điểm, biên độ dao động 26.25 điểm. Các cổ phiếu như HPG, MBB, TCB, STB, và MSN đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 kết phiên trong sắc xanh với số lượng mã tăng áp đảo. Thanh khoản đã vượt qua đường MA20 cho thấy thị trường đã bắt đầu có tín hiệu tích cực hơn. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2301 giảm, các hợp đồng còn lại tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2223	3/2/2023	44	2:1	702,400	51.71%	2,300	710	65.12%	620	1.15	23,900	22,500	21,650
CSTB2218	3/31/2023	73	2:1	545,500	55.20%	2,100	690	40.82%	1,058	0.65	28,560	28,000	26,550
CHPG2224	3/1/2023	43	4:1	485,400	51.71%	1,000	500	35.14%	333	1.50	24,502	22,222	21,650
CVRE2218	3/1/2023	43	5:1	349,300	46.02%	1,000	630	26.00%	613	1.03	33,538	27,888	29,850
CVRE2216	8/31/2023	226	4:1	198,600	46.02%	1,650	870	22.54%	1,046	0.83	36,320	31,000	29,850
CHPG2215	3/28/2023	70	10:1	2,122,300	51.71%	1,000	220	22.22%	145	1.51	25,499	22,999	21,650
CHPG2225	6/6/2023	140	3:1	1,448,200	51.71%	1,550	1,750	21.53%	1,884	0.93	20,870	17,000	21,650
CHPG2221	3/31/2023	73	4:1	3,895,700	51.71%	1,000	120	20.00%	232	0.52	25,520	25,000	21,650
CMBB2210	3/31/2023	73	2:1	1,601,600	44.60%	2,000	120	20.00%	95	1.26	25,800	25,500	19,400
CSTB2223	3/1/2023	43	4:1	94,300	55.20%	1,000	1,480	13.85%	1,447	1.02	24,471	21,111	26,550
CSTB2215	3/28/2023	70	5:1	454,000	55.20%	1,100	1,190	13.33%	1,047	1.14	25,722	22,222	26,550
CVPB2212	8/31/2023	226	2.66:1	417,500	42.56%	1,700	620	10.71%	459	1.35	25,497	24,644	19,600
CMBB2213	6/6/2023	140	3:1	300,800	44.60%	1,550	1,220	7.96%	1,202	1.02	20,600	17,000	19,400
CACB2207	3/31/2023	73	4:1	1,148,800	38.31%	1,100	420	7.69%	437	0.96	27,580	25,500	25,300
CFPT2212	6/6/2023	140	10:1	167,000	34.04%	1,870	1,510	5.59%	1,499	1.01	83,200	70,000	82,000
CVPB2213	3/2/2023	44	1.33:1	945,000	42.56%	2,900	840	5.00%	674	1.25	21,327	20,315	19,600
CTCB2214	6/6/2023	140	3:1	123,800	47.10%	2,470	1,420	3.65%	1,529	0.93	31,680	27,000	29,000
CHDB2208	3/8/2023	50	3.99:1	614,500	34.68%	1,100	310	3.33%	105	2.95	20,828	19,189	17,250
CMBB2211	8/31/2023	226	4:1	1,565,400	44.60%	1,200	180	0.00%	212	0.85	27,920	27,000	19,400
CVPB2211	3/31/2023	73	1.33:1	603,200	42.56%	2,450	320	-3.03%	327	0.98	23,605	23,312	19,600
Tổng		17,783,300	46.59%**										

Chú thích:

Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/1/2023, các chứng quyền biến động theo đà tăng của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2225 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 17.45%. Giá trị giao dịch tăng 60.82%. CHPG2225 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 17.45%.
- CHPG2221, CVRE2219, CSTB2218, và CMSN2214 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2222, CSTB2223, CVNM2211, và CHPG2225 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2211, CSTB2214, CSTB2222, và CVNM2210 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	43.1	2.7%	1.0	2,739	5.1	3,504	12.3	2.7	49.0%	24.0%
PNJ	Bán lẻ	88.0	0.6%	0.6	1,255	1.1	5,790	15.2	3.4	49.0%	25.9%
BVH	Bảo hiểm	48.6	0.9%	1.0	1,569	0.9	2,359	20.6	1.6	27.0%	8.0%
PVI	Bảo hiểm	50.0	3.3%	0.8	509	0.3	2,959	16.9	1.6	59.5%	9.6%
VIC	Bất động sản	55.2	0.7%	0.5	9,153	3.3	290	190.4	1.9	12.7%	1.0%
VRE	Bất động sản	29.9	4.7%	1.1	2,949	2.7	909	32.8	2.1	32.4%	6.6%
VHM	Bất động sản	52.0	1.4%	0.8	9,845	3.2	7,221	7.2	1.7	24.4%	25.2%
DXG	Bất động sản	13.6	5.8%	1.9	361	3.9	1,390	9.8	0.9	27.4%	9.2%
SSI	Chứng khoán	20.4	5.2%	1.7	1,321	19.1	2,253	9.1	1.4	41.6%	14.5%
VCI	Chứng khoán	29.9	6.2%	1.0	566	6.5	3,018	9.9	2.0	21.8%	20.2%
HCM	Chứng khoán	23.9	4.1%	1.6	475	5.1	2,087	11.4	1.4	43.9%	14.5%
FPT	Công nghệ	82.0	1.5%	0.8	3,911	3.5	4,803	17.1	4.5	49.0%	28.5%
FOX	Công nghệ	56.8	0.7%	0.4	811	0.0	4,926	11.5	3.1	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	104.2	1.2%	0.8	8,671	1.3	6,968	15.0	3.5	3.0%	25.5%
PLX	Dầu khí	37.4	1.5%	1.5	2,063	1.0	738	50.6	2.0	17.9%	3.8%
PVS	Dầu khí	24.0	3.0%	1.4	499	5.4	1,044	23.0	0.9	19.1%	4.1%
BSR	Dầu khí	14.9	1.4%	0.8	2,009	4.0	2,108	7.1	1.2	41.1%	19.1%
DHG	Dược	88.0	0.8%	0.3	500	0.0	6,822	12.9	2.8	54.2%	23.2%
DPM	Hóa chất	42.0	2.4%	1.4	715	2.2	15,533	2.7	1.3	19.2%	56.1%
DCM	Hóa chất	26.3	2.5%	1.4	604	2.2	7,691	3.4	1.4	11.9%	49.8%
VCB	Ngân hàng	89.4	2.4%	0.9	18,395	2.5	5,584	16.0	3.3	23.6%	22.2%
BID	Ngân hàng	45.0	0.6%	1.0	9,886	2.9	3,201	14.0	2.4	17.1%	18.1%
CTG	Ngân hàng	30.6	2.0%	1.3	6,394	4.6	3,239	9.4	1.4	28.0%	15.5%
VPB	Ngân hàng	19.6	1.0%	1.2	5,721	27.8	2,736	7.2	1.4	17.6%	23.3%
MBB	Ngân hàng	19.4	4.9%	1.4	3,824	15.7	3,876	5.0	1.2	23.2%	27.3%
ACB	Ngân hàng	25.3	1.2%	1.1	3,715	4.4	3,922	6.5	1.5	30.0%	27.0%
BMP	Nhựa	64.5	4.0%	0.7	230	1.2	6,869	9.4	2.0	86.4%	22.9%
NTP	Nhựa	34.0	5.3%	0.6	192	0.1	3,961	8.6	1.5	17.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	11.9	2.6%	1.5	569	0.1	178	66.9	0.9	10.1%	1.4%
HPG	Thép	21.7	6.9%	1.5	5,473	38.4	2,662	8.1	1.3	22.3%	17.0%
HSG	Thép	14.7	6.9%	1.9	381	12.8	439	33.4	0.8	7.7%	2.3%
VNM	Tiêu dùng	80.9	1.9%	0.5	7,351	5.9	3,778	21.4	5.4	55.9%	25.4%
SAB	Tiêu dùng	187.0	-0.8%	0.8	5,214	0.7	8,428	22.2	4.9	62.7%	24.1%
MSN	Tiêu dùng	97.5	2.7%	1.0	6,035	2.5	6,744	14.5	5.4	30.6%	40.5%
SBT	Tiêu dùng	13.7	1.1%	1.4	400	0.7	1,206	11.3	1.0	14.5%	9.1%
ACV	Vận tải	84.9	0.2%	0.8	8,036	0.3	363	234.0	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	110.6	3.1%	1.1	2,604	2.2	114	968.7	3.4	17.1%	0.4%
HVN	Vận tải	14.5	1.8%	1.7	1,396	1.2	(4,005)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	48.0	2.1%	0.7	629	1.7	3,063	15.7	2.0	49.0%	14.2%
PVT	Vận tải	20.4	2.5%	1.3	286	1.9	2,528	8.1	1.2	19.5%	15.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	56.2	2.2%	0.9	391	0.2	7,783	7.2	1.7	3.1%	26.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	37.5	3.0%	1.2	730	1.1	4,399	8.5	2.3	5.4%	28.0%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.5	0.7%	1.3	223	0.8	652	20.6	1.0	2.4%	4.7%
CTD	Xây dựng	37.9	6.9%	1.6	122	0.7	(832)	#N/A N/A	0.3	49.2%	-0.7%
CII	Xây dựng	14.6	5.0%	1.6	160	3.6	1,464	10.0	0.7	8.4%	7.1%
REE	Điện	69.0	-2.7%	-1.4	1,066	2.1	7,767	8.9	1.7	49.0%	20.2%
PC1	Điện	25.7	4.9%	-0.4	302	1.6	1,507	17.1	1.4	5.1%	8.7%
POW	Điện	12.2	2.5%	0.6	1,237	5.7	499	24.4	1.0	5.4%	3.9%
NT2	Điện	28.7	1.6%	0.7	359	0.7	2,858	10.0	1.9	16.3%	19.2%
KBC	Khu công nghiệp	25.3	1.8%	1.5	843	4.1	2,934	8.6	1.2	19.8%	15.4%
BCM	Khu công nghiệp	83.5	2%	0.8	3,758	0.4	1,654	50.5	4.9	2.9%	12.2%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	89.40	2.41	2.50	644600
HPG	21.65	6.91	2.04	41.58MLN
MBB	19.40	4.86	1.02	18.90MLN
MSN	97.50	2.74	0.93	600000
TCB	29.00	3.20	0.80	6.18MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
SAB	187.00	-0.80	0	88600.00
REE	69.00	-2.68	0	703600
PDN	130.50	-6.85	0	300
PGV	18.60	-0.53	0	4100
CVT	38.50	-6.89	0	900

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

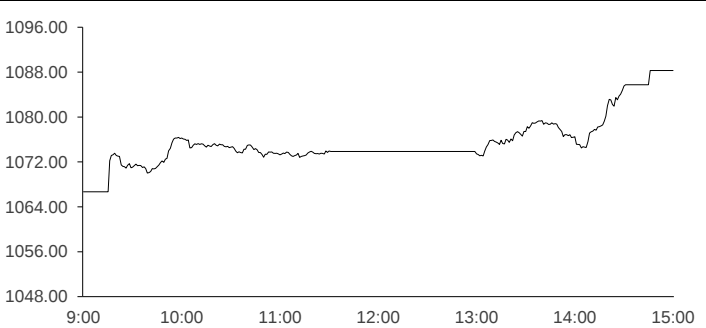
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ABR	8.26	6.99	0.00	100.00
BKG	3.84	6.96	0.00	899400
SZL	46.85	6.96	0.02	9000
DPG	32.30	6.95	0.03	941200
ST8	9.55	6.94	0.00	98100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	187.00	-0.80	-0.24	88600
REE	69.00	-2.68	-0.17	703600
PDN	130.50	-6.85	-0.05	300.00
PGV	18.60	-0.53	-0.03	4100
CVT	38.50	-6.89	-0.03	900

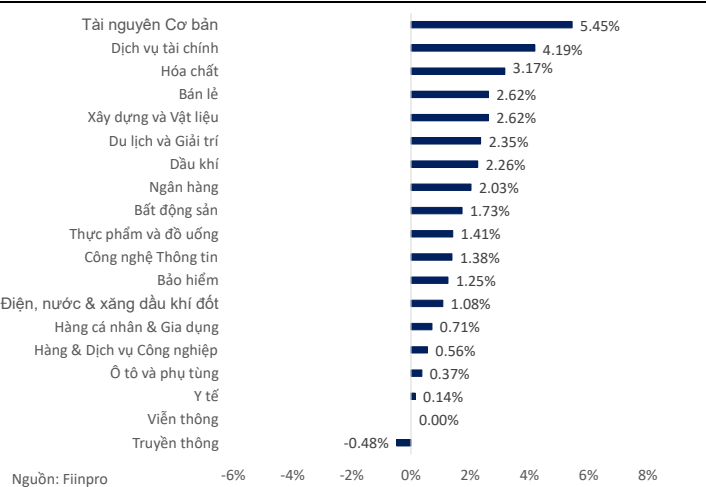
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	39.40	4.51	0.69	3.73MLN
SHS	9.60	5.49	0.60	22.15MLN
HUT	15.60	5.41	0.37	6.16MLN
BAB	13.50	2.27	0.36	10101.00
CEO	20.50	5.67	0.35	5.94MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSF	63.00	-2.33	-0.33	56900
CTB	16.20	-10.00	-0.04	100
SCG	66.90	-0.59	-0.04	186400
VNT	66.40	-9.66	-0.02	100
UNI	9.60	-8.57	-0.02	1000

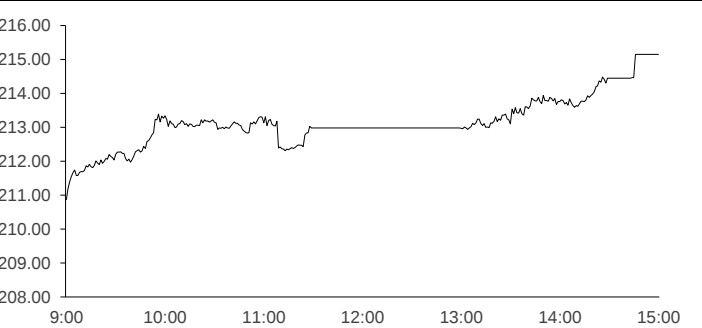
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MKV	12.10	10.0	0.00	100
PRC	41.80	10.0	0.00	139
VMS	15.50	9.9	0.01	102
VE3	9.00	9.8	0.00	4800
DIH	29.40	9.7	0.02	15200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

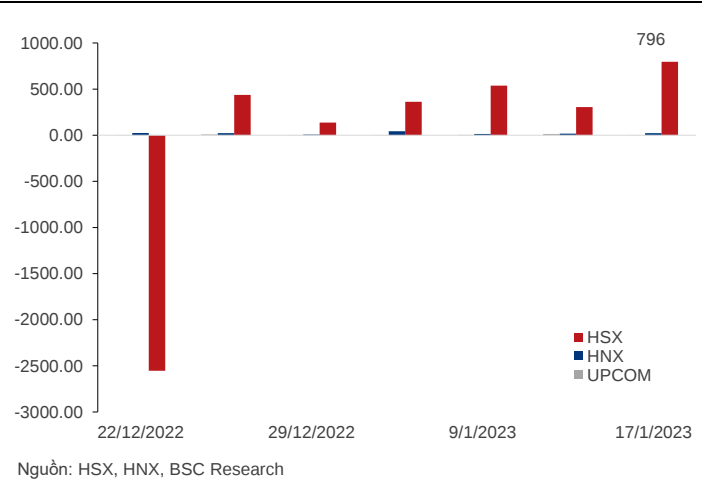
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTB	16.20	-10.00	-0.04	100
VTJ	3.60	-10.00	-0.01	300
VLA	54.50	-9.92	-0.01	500
VTL	13.80	-9.80	-0.01	100
VNT	66.40	-9.66	-0.02	100

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	84.9	363	234.0	4.9	Click
2	PNJ	Bán lẻ	Mua	13/09/22	112.2	145.5	88.0	5,790	15.2	3.4	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	21.0	0	#N/A N/A	0.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	82.0	4,803	17.1	4.5	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	64.5	6,869	9.4	2.0	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	57.8	5,795	10.0	2.2	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	26.8	1,786	15.0	1.7	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	34.9	10,803	3.2	1.1	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	68.7	12,293	5.6	1.6	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	42.3	4,727	8.9	1.7	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	14.9	2,108	7.1	1.2	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	26.5	1,016	26.1	1.2	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	13.6	1,390	9.8	0.9	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	21.7	2,662	8.1	1.3	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	15.7	1,409	11.1	0.8	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	42.0	15,533	2.7	1.3	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	13.5	652	20.6	1.0	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	28.7	2,858	10.0	1.9	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	21.0	0	#N/A N/A	0.8	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	23.4	3,943	5.9	0.8	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	15.9	1,278	12.4	1.4	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	25.7	1,507	17.1	1.4	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	12.2	499	24.4	1.0	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	15.5	2,826	5.5	0.7	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	69.0	7,767	8.9	1.7	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	25.3	4,406	5.7	0.7	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	104.2	6,968	15.0	3.5	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	30.4	4,889	6.2	1.3	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	21.7	2,662	8.1	1.3	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	10.5	3,944	2.7	1.0	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	14.9	2,108	7.1	1.2	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	56.2	3,936	14.3	4.3	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	88.0	5,790	15.2	3.4	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.8	2,761	5.0	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	28.7	2,858	10.0	1.9	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	58.0	5,893	9.8	1.0	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	66.0	5,327	12.4	4.1	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	25.7	1,507	17.1	1.4	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	14.2	671	21.2	0.7	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	82.0	4,803	17.1	4.5	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	21.6	2,642	8.2	1.4	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	15.5	2,826	5.5	0.7	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.2	499	24.4	1.0	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	88.0	5,790	15.2	3.4	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	43.1	3,504	12.3	2.7	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.4	2,528	8.1	1.2	Click

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	25.3	19.1	32.46%	24	-3.56%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	84.9	74.7	13.65%	90	6.01%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	83.5	75.0	11.33%	94	12.81%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	14.9	13.6	9.56%	19	25.50%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	56.2	37.7	49.07%	51	-8.90%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	15.7	10.6	48.11%	14	-10.19%	
7	DRC	Ôtô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	21.6	16.7	29.04%	27	23.99%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	82.0	65.9	24.43%	85	3.17%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	66.0	59.8	10.37%	75	14.09%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	13.2	12.2	8.20%	16	18.94%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	39.4	29.0	35.86%	43	10.15%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	25.3	16.7	51.20%	18	-28.32%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	23.4	18.9	23.81%	24	0.85%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	43.1	37.9	13.59%	50	16.84%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	88.0	70.1	25.53%	66	-25.01%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	12.2	10.5	16.27%	13	7.00%	
17	PVD	Dầu khí	HNX	Mua	21.0	13.6	54.04%	20	-5.97%	
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	24.0	19.1	25.65%	28	16.67%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	20.4	17.5	16.29%	24	19.41%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	14.4	12.0	20.00%	16	11.11%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	69.0	70.2	-1.71%	86	24.64%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	89.4	75.0	19.20%	90	1.01%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	38.1	34.9	9.17%	48	25.98%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	68.7	74.9	-8.28%	87	26.93%	
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	80.9	75.7	6.94%	83	2.48%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	29.9	25.0	19.40%	32	6.53%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.



Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.



Trợ lý phái sinh (Hòa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M



Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.



Trợ lý chứng quyền (Thổ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.



Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- Tiện ích
- Đầy đủ thông tin
- Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
2	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
8	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
12	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
13	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
14	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
15	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
16	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
18	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
19	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
21	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
22	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
23	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
24	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
25	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
26	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
27	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
28	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
30	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
32	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
33	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
36	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
37	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
38	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
39	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
41	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
42	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
43	Banking Sector Outlook		x	Click
44	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639